



BẢN TIN THÔNG BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT TỈNH CÀ MAU
TUẦN 2 THÁNG 4 NĂM 2020

HÀ NỘI, THÁNG 4/2020

Chịu trách nhiệm nội dung: Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước

Địa chỉ: Tầng 8 tòa nhà NAWAPI - Số 93/95 Vũ Xuân Thiều, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội;

ĐT: 024 32665006; Fax: 024 37560034; Website: cewafo.gov.vn; Email: vtttcdbtnn@monre.gov.vn

I. Giới thiệu chung

Tình trạng hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn trong năm nay xảy ra trên diện rộng, trải dài từ Bắc Bộ, miền Trung, Tây Nguyên đến Đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Lượng mưa và dòng chảy ở thượng nguồn suy giảm, xâm nhập mặn đã xuất hiện từ tháng 12 năm 2019, sớm và sâu hơn so với trung bình nhiều năm, một số nơi tương đương hoặc sâu hơn cùng kỳ năm 2016 (năm xảy ra xâm nhập mặn lịch sử).

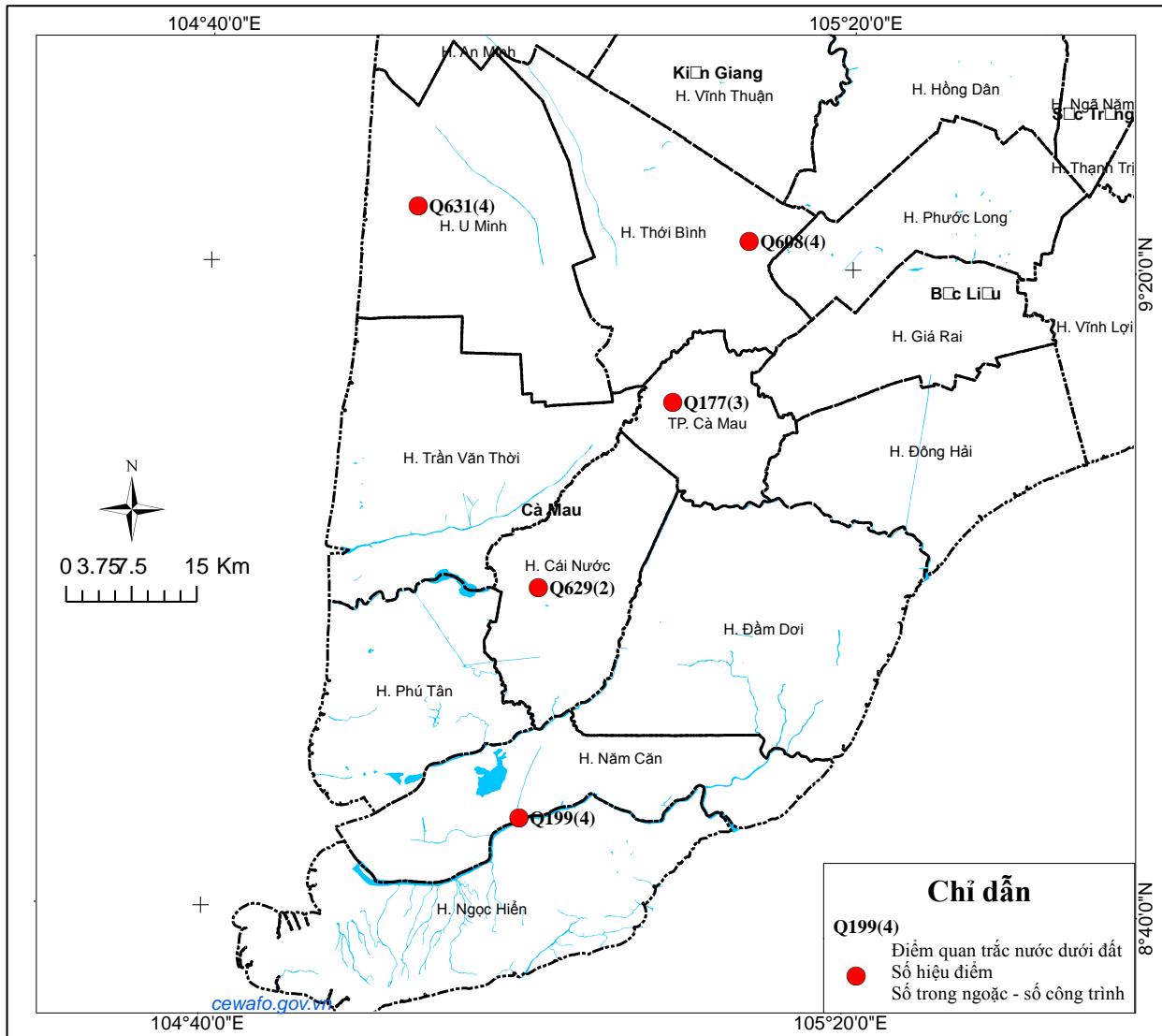
Theo dự báo, trong thời gian tới hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long còn kéo dài và diễn biến phức tạp, khó lường. Về lâu dài, do tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng, nhất là sự gia tăng khai thác, sử dụng nước ở thượng nguồn, nguy cơ hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn có thể xảy ra thường xuyên và khốc liệt hơn.

Trong trường hợp cực đoan, thời gian thiếu mưa kéo dài và việc tăng sử dụng nước trên các dòng nhánh và trữ nước tại các đập sẽ làm cho tình trạng hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn kéo dài hơn và trầm trọng hơn. Các tỉnh ở Đồng bằng Nam Bộ tiếp tục chủ động ứng phó với tình hình hạn hán và xâm nhập mặn diễn ra trong thời gian tới. Đặc biệt là các tỉnh Long An, Vĩnh Long, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Hậu Giang, Kiên Giang, Cà Mau (<http://nchmf.gov.vn/Kttvsite/vi-VN/1/ban-tin-cap-nhat-ve-hien-tuong-enso-va-nhan-dinh-xu-the-khi-tuong-thuy-van-tu-thang-4-den-thang-9-nam-2020-post3466.html>)

Để đảm bảo cho công tác ứng phó với tình hình hạn hán, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia biên soạn bản tin thông báo tài nguyên nước dưới đất hàng tuần tại các khu vực đang xảy ra hạn hán nhằm cung cấp thông tin kịp thời cho các điều tra, cấp nước chống hạn đối với các tỉnh, địa phương đang bị hạn hán thiếu nước. Bản tin thông báo tuần được biên tập trên cơ sở các công trình tự động truyền số liệu trong hệ thống mạng lưới quan trắc quốc gia tài nguyên nước dưới đất, số liệu truyền hàng ngày. Các công trình này được bố trí trong các tầng chứa nước chính theo thứ tự từ trẻ đến già gồm: tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3), tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3}), tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp_1), tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2), tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1). Chi tiết diễn biến mực nước tuần 2 (từ ngày 7 đến ngày 12) tháng 4 năm 2020 tại tỉnh Cà Mau như sau:

II. Diễn biến mực nước, chất lượng nước tại tỉnh Cà Mau

Tỉnh Cà Mau có 6 điểm với 25 công trình quan trắc ở 6 tầng chứa nước. Trong đó có 5 điểm với 17 công trình lắp thiết bị truyền tự động số liệu (hình 1). Chi tiết diễn biến mực nước, chất lượng nước tại các tầng chứa nước chính như sau:



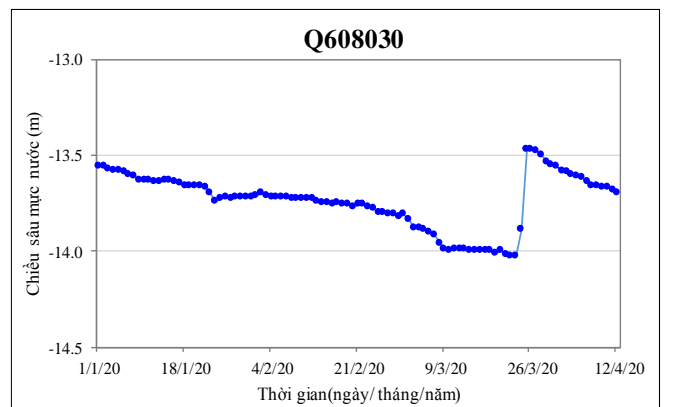
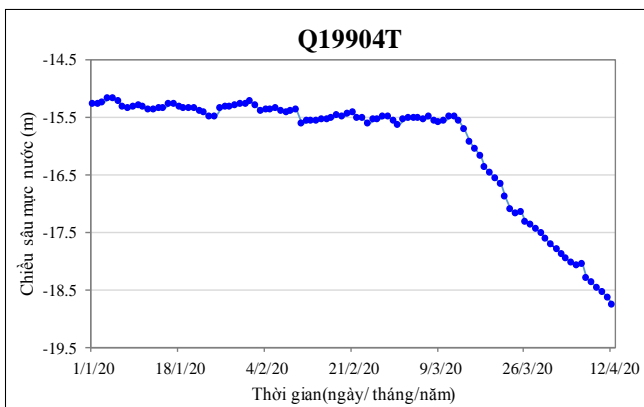
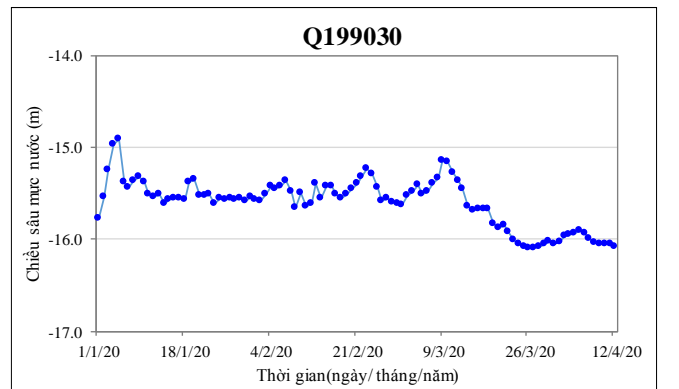
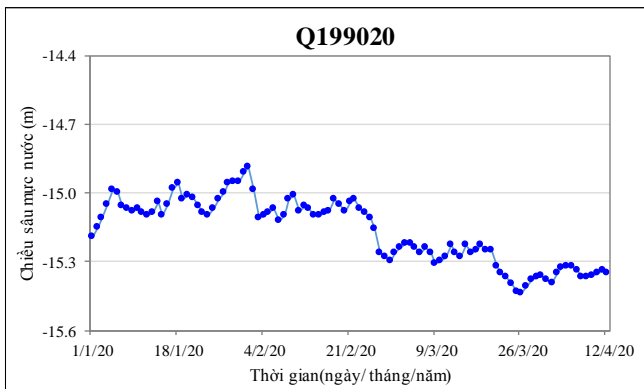
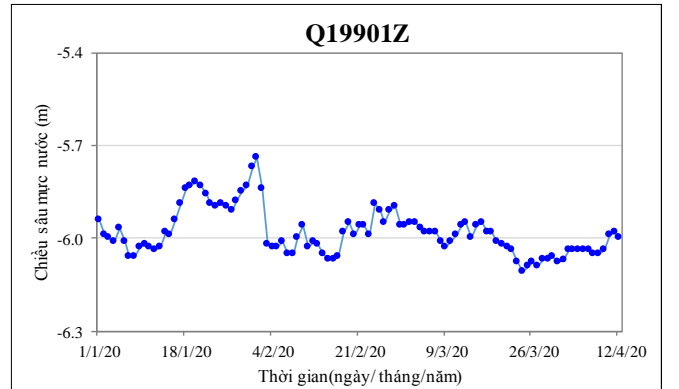
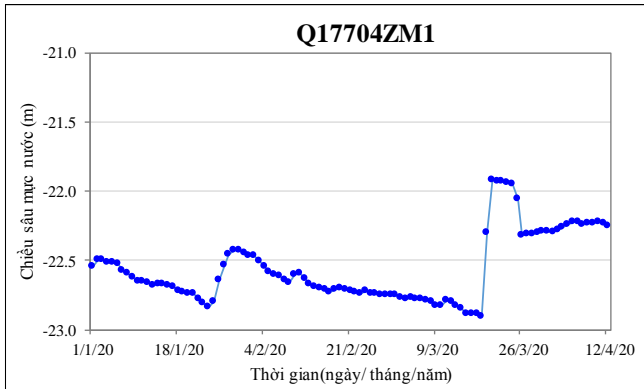
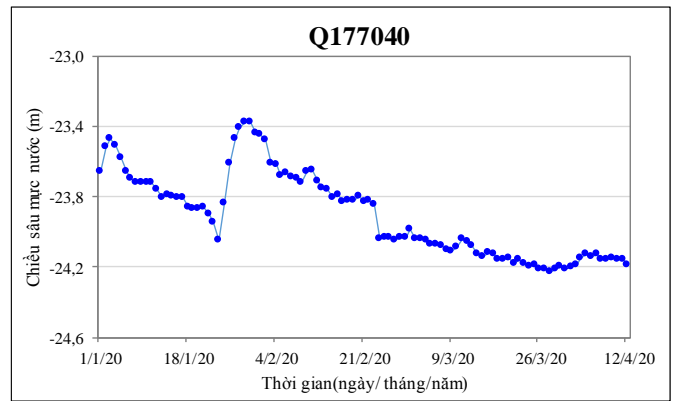
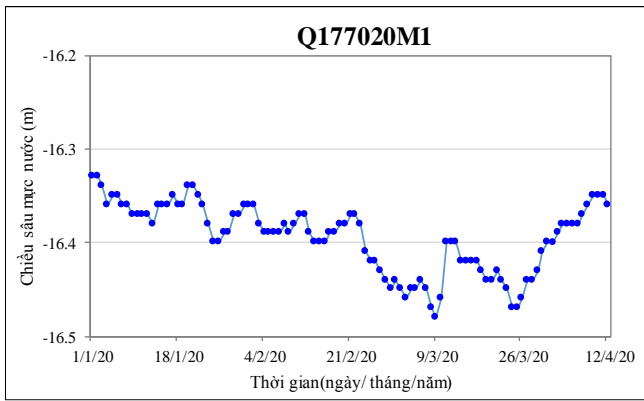
Hình 1. Sơ đồ vị trí điểm quan trắc tự động tỉnh Cà Mau

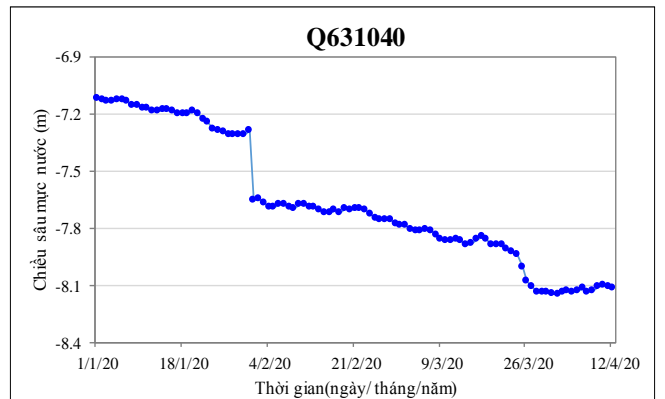
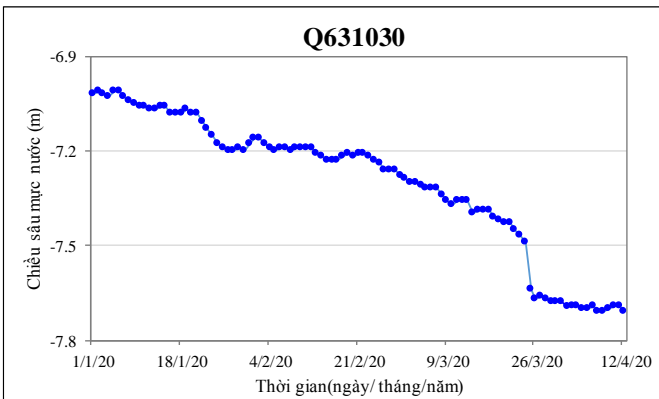
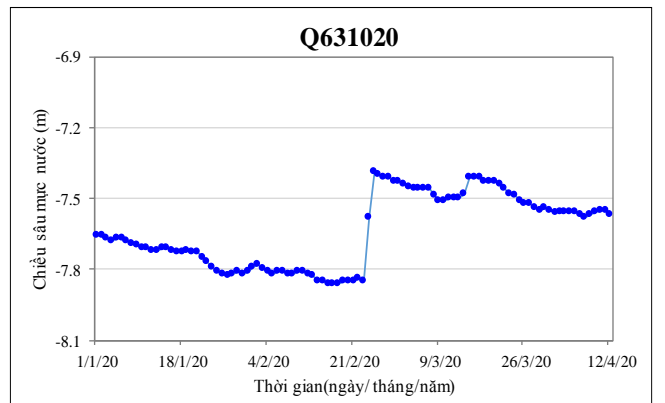
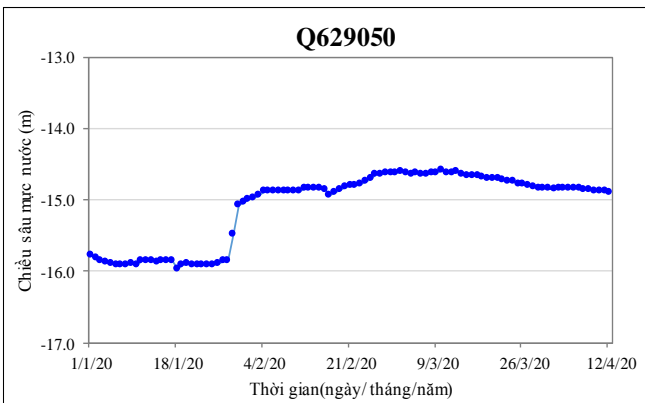
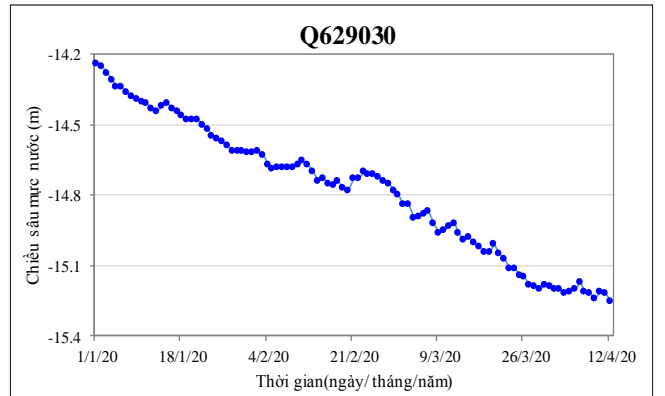
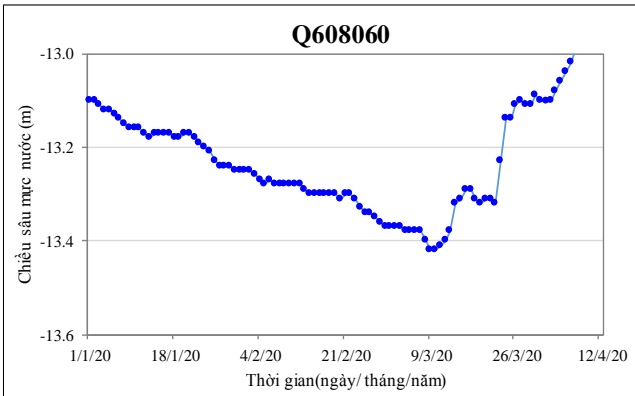
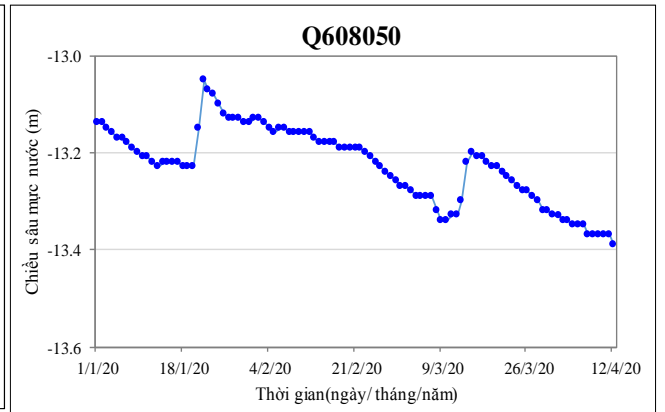
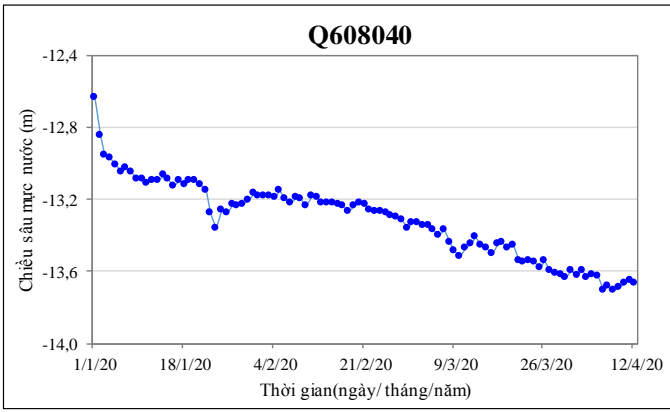
1. Mục nước

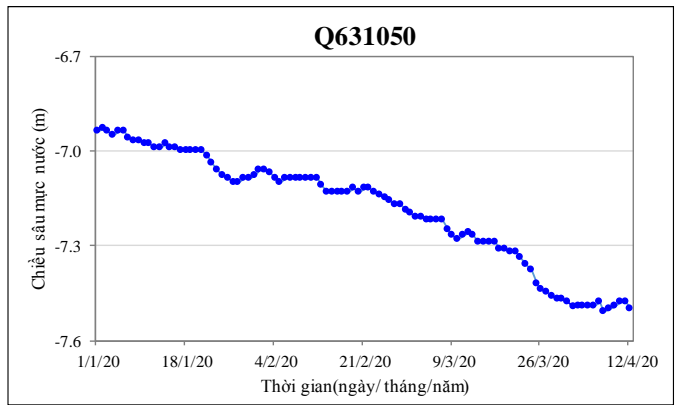
Tại Phường 9, TP Cà Mau; TT Năm Căn, huyện Năm Căn; xã Tân Phú huyện Thới Bình; xã Hòa Mỹ, huyện Cái Nước và xã Khánh Hòa, huyện U Minh mực nước có xu thế hạ thấp. Giá trị hạ thấp so với tháng 1 năm 2020 từ 0,02m đến 3,19m; so với cùng kỳ tháng 3 năm 2020 từ 0,02m đến 2,98m. Mực nước hạ thấp lớn nhất xảy ra tại điểm Q199 tại TT Năm Căn, huyện Năm Căn. Chi tiết diễn biến mực nước trung bình tuần 2 tháng 4 năm 2020 tại các công trình quan trắc nước dưới đất trong tỉnh được thể hiện trong bảng 1 và hình 2.

Bảng 1. Diễn biến mực nước trung bình tuần 2 tháng 4 (m)

STT	Điểm quan trắc	Tên công trình quan trắc	Tầng chứa nước	Mực nước trung bình tuần 2 tháng 4 năm 2020	Vị trí		Mực nước (m) so với (dấu (-) là thấp hơn)	
					Xã	Huyện	Trung bình tháng 1 năm 2020	Trung bình tuần 2 tháng 3 năm 2020
1	Q177	Q177020M1	qp ₂₋₃	-16,36	Phường 9	TP Cà Mau	0,01	0,09
2		Q177040	qp ₁	-24,16			-0,46	-0,08
3		Q17704ZM1	n ₂ ¹	-22,23			0,39	0,57
4	Q199	Q19901Z	qp ₃	-6,02	TT. Năm Căn	Năm Căn	-0,08	-0,02
5		Q199020	qp ₂₋₃	-15,36			-0,31	-0,09
6		Q199030	qp ₁	-16,05			-0,58	-0,77
7		Q19904T	n ₂ ²	-18,53			-3,19	-2,98
8	Q608	Q608030	qp ₂₋₃	-13,67	Tân Phú	Thới Bình	-0,02	0,30
9		Q608040	qp ₁	-13,68			-0,57	-0,22
10		Q608050	n ₂ ²	-13,37			-0,21	-0,05
11		Q608060	n ₂ ¹	-12,92			0,26	0,49
12	Q629	Q629030	qp ₂₋₃	-15,23	Hoà Mỹ	Cái Nước	-0,78	-0,30
13		Q629050	n ₂ ²	-14,88			0,94	-0,26
14	Q631	Q631020	qp ₃	-7,56	Khánh Hòa	U Minh	0,17	-0,07
15		Q631030	qp ₂₋₃	-7,70			-0,61	-0,35
16		Q631040	qp ₁	-8,12			-0,91	-0,27
17		Q631050	n ₂ ²	-7,49			-0,49	-0,24







Hình 2. Đồ thị diễn biến mực nước dưới đất các công trình tỉnh Cà Mau

2. Độ mặn

Trong tỉnh, có 5 điểm với 17 công trình đo tự động giá trị độ dẫn điện, để có thể tính toán được độ mặn nhạt của nước. Theo kết quả quan trắc được cho thấy nước đa phần là nước lợ cho đến mặn, có các công trình nước nhạt ở xã Tân Phú - huyện Thới Bình. Kết quả được trình bày trong bảng 2.

Bảng 2. Bảng độ mặn đo tại thực địa tuần 2 tháng 4 (mg/l)

STT	Điểm quan trắc	Tên công trình quan trắc	Tầng chứa nước	Vị trí		Độ sâu tầng chứa nước (từ m - đến m)	Tổng độ mặn trung bình tuần 2 tháng 4 năm 2020	Chất lượng nước
				Xã	Huyện			
1	Q177	Q177020M1	qp ₂₋₃	Phường 9	TP Cà Mau	56-90	26.456	Mặn
2		Q177040	qp ₁			84-192	955	Nhạt
3		Q17704ZM1	n ₂ ¹			234-271	8.997	Mặn
4	Q199	Q19901Z	qp ₃	TT. Năm Căn	Năm Căn	32-78	45.666	Mặn
5		Q199020	qp ₂₋₃			79-158	2.306	Lợ
6		Q199030	qp ₁			159-184	2.065	Lợ
7		Q19904T	n ₂ ²			186-250	2.755	Lợ
8	Q608	Q608030	qp ₂₋₃	Tân Phú	Thới Bình	114-138	1.209	Nhạt
9		Q608040	qp ₁			155-173	635	Nhạt
10		Q608050	n ₂ ²			198-231	854	Nhạt
11		Q608060	n ₂ ¹			221-285	1.285	Nhạt
12	Q629	Q629030	qp ₂₋₃	Hoà Mỹ	Cái Nước	62-129	1.680	Lợ
13		Q629050	n ₂ ²			154-218	1.716	Lợ
14	Q631	Q631020	qp ₃	Khánh Hòa	U Minh	22-88	12.532	Mặn
15		Q631030	qp ₂₋₃			88-110	10.122	Mặn
16		Q631040	qp ₁			149-165	8.153	Mặn
17		Q631050	n ₂ ²			192-250	6.964	Mặn